Vietnam Journal of Community Medicine, Vol 62, No 5 (2021) 138-145

ADMINISTRATION OF DRUG HAZARDOUS ADMINISTRATION OF MALE MEDICINE STUDENTS IN THAI BINH UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY IN 2020

Phan Thu Nga*, Nguyen Thi Ai, Nguyen Ha My, Bui Thi Huyen Dieu, Pham Tuan Dat

Thai Binh University of Medicine and Pharmacy

Received 28/01/2021
Revised 10/03/2021; Accepted 20/05/2021

ABSTRACT

The study was designed according to descriptive epidemiological research through an analytical cross-sectional investigation. Directly interviewing 434 male students of joint medicine at Thai Binh University of Medicine and Pharmacy in 2020. Results Research shows: Up to 69.0% of subjects who are smoking have smoking time more than 5 years; 40.8% of those who had smoked in the past were in the group who smoked less than one year. In the currently smoking group, up to 82.8% of the subjects had tried to quit and started smoking again. 85.3% of subjects chose to try to quit smoking without assistance, accounting for the highest percentage of the smoking cessation methods chosen by the subjects in the study.

Keywords: Behavior, male students, prevention, harm, tobacco.

*Corressponding author
Email address: phanthunga2710@gmail.com
Phone number: (+84) 976 625 250
https://doi.org/10.52163/yhcd.v62i5.150

HÀNH VI VỀ PHÒNG, CHỐNG TÁC HẠI THUỐC LÁ CỦA NAM SINH VIÊN LIÊN THÔNG Y ĐA KHOA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH NĂM 2020

Phan Thu Nga*, Nguyễn Thị Ái, Nguyễn Hà My, Bùi Thị Huyền Diệu, Phạm Tuấn Đạt

Trường Đại học Y Dược Thái Bình

Ngày nhận bài: 28 tháng 01 năm 2021
Chỉnh sửa ngày: 10 tháng 03 năm 2021; Ngày duyệt đăng: 20 tháng 05 năm 2021

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thiết kế theo nghiên cứu dịch tễ học mô tả thông qua cuộc điều tra cắt ngang có phân tích. Phỏng vấn trực tiếp 434 nam sinh viên liên thông y đa khoa với mục tiêu: Mô tả hành vi về phòng, chống tác hại thuốc lá của nam sinh viên liên thông y đa khoa trường Đại học Y Dược Thái Bình năm 2020. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Có tới 69,0% đối tượng đang hút thuốc có thời gian hút trên 5 năm; còn với đối tượng đã từng hút thuốc trước đây thì 40,8% ở nhóm hút thuốc dưới một năm. Trong nhóm đang hút thuốc có tới 82,8% đối tượng từng cố gắng bỏ và đã hút thuốc trở lại. Đã có 85.3% đối tượng lựa chọn việc cố gắng bỏ thuốc mà không cần sự hỗ trợ chiếm tỷ lệ cao nhất trong các biện pháp cai thuốc mà các đối tượng trong nghiên cứu lựa chọn.

Từ khóa: Hành vi, nam sinh viên, phòng chống, tác hại, thuốc lá.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trên thế giới hiện có 1,3 tỷ người trưởng thành hút thuốc; 80% số người hút thuốc sống tại các nước có thu nhập trung bình và thấp. Có đến 27% người Pháp vẫn đốt thuốc hàng ngày, đây là một trong những tỷ lệ cao nhất tại các nước trong nhóm Liên minh châu Âu, chỉ sau Hy Lạp và Bulgaria. Theo EU, Thụy Điển là quốc gia có tỷ lệ người dân hút thuốc ít nhất trong khối, với chỉ 7% [1]. Kết quả điều tra toàn cầu về sử dụng thuốc lá ở người trưởng thành tại Việt Nam năm 2010 cho thấy: Tỷ lệ hút thuốc ở nam giới là 47,4% (trung bình 2 nam giới có 1 người hút thuốc); 33 triệu người không hút thuốc nhưng thường xuyên hít phải khói thuốc thụ động trong nhà; 5 triệu người không hút thuốc, thường xuyên hít phải khói thuốc thụ động tại nơi làm việc [2]. Sinh viên trường Đại học Y Dược Thái Bình là những nhân viên y tế trẻ đóng vai trò quan trọng trong tương lai để chăm sóc sức khỏe nhân dân, việc có hành vi phòng, chống tác hại thuốc lá của nam sinh viên là hết sức cần thiết. Chính vì vậy chúng tôi thực hiện đề tài này với mục tiêu: *Mô tả hành vi về phòng, chống tác hại thuốc lá của nam sinh viên liên thông y đa khoa trường Đại học Y Dược Thái Bình năm 2020.*

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa điểm, thời gian, đối tượng nghiên cứu

- Địa điểm nghiên cứu: Được thực hiện tại Trường Đại

*Tác giả liên hệ
Email: phanthunga2710@gmail.com
Điện thoại: (+84) 976 625 250
https://doi.org/10.52163/yhcd.v62i5.150

học Y Dược Thái Bình.

- Đối tượng nghiên cứu: Các nam sinh viên năm thứ nhất, năm thứ hai và năm thứ ba (năm thứ tư không điều tra vì SV đang học tại Hà Nam không học tại trường) hiện đang học bác sỹ hệ liên thông y đa khoa tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình.

- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 11/2019 đến tháng 6/2020.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu được thiết kế theo phương pháp mô tả thông qua cuộc điều tra cắt ngang có phân tích. Nghiên cứu định tính kết hợp với nghiên cứu định lượng.

2.2.2. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

a) Cỡ mẫu:

Cỡ mẫu định lượng: được tính theo công thức

$$n = Z^2_{(1-\alpha/2)} \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trên thực tế có 434 sinh viên tham gia vào nghiên cứu.

Cỡ mẫu định tính: Sau khi thu thập các thông tin của nghiên cứu định lượng, chúng tôi đã chia đối tượng nghiên cứu định lượng thành ba nhóm để lấy cỡ mẫu định tính như sau:

+ Nhóm đang hút thuốc lá có 58 SV x 5%= 3 SV trong nhóm

+ Nhóm đã từng hút thuốc lá có 98 SV x 5% = 5 SV trong nhóm

+ Nhóm chưa bao giờ hút thuốc lá có 278 SV x 5% = 14 SV trong nhóm

Như vậy, thực tế tham gia vào nghiên cứu định lượng có 434 nam SV x 5% = 22 SV đã được đưa vào nghiên cứu định tính.

b) Phương pháp chọn mẫu

Điều tra định lượng:

+ Khối liên thông Y1K53 trong năm học 2019-2020: có 1 lớp với 17 sinh viên nam.

+ Khối liên thông Y2K52 trong năm học 2019-2020: có 7 lớp với 356 sinh viên nam.

+ Khối liên thông Y3K51 trong năm học 2019-2020: có 2 lớp với 61 sinh viên nam.

Trên thực tế tổng ba khối có số sinh viên nam là 434 tham gia nghiên cứu. Theo cỡ mẫu đã tính ở trên là 384 đối tượng, vì vậy chúng tôi tiến hành chọn toàn bộ số SV nam của 3 khối LTY1K53, LTY2K52 và LTY3K51 đưa vào nghiên cứu.

Điều tra Định tính: Sau khi tiến hành điều tra định lượng, chúng tôi chia đối tượng thành ba nhóm: đang hút thuốc lá, đã từng hút thuốc lá và chưa bao giờ hút thuốc lá. Sau đó bốc ngẫu nhiên trong mỗi nhóm 5% số sinh viên để tiến hành phỏng vấn sâu..

2.3. Phương pháp thu thập thông tin: Thông tin được thu thập bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp đối tượng thông qua bộ phiếu điều tra. Xây dựng bộ phiếu điều tra phù hợp với mục tiêu nghiên cứu.

2.4. Một số biến số trong nghiên cứu

- Tỷ lệ nam sinh viên hút thuốc lá.

- Tỷ lệ nam sinh viên hút thuốc lá theo năm.

- Tỷ lệ nam sinh viên hút thuốc lá theo lý do.

- Tỷ lệ nam sinh viên hút thuốc lá theo loại thuốc.

- Tỷ lệ nam sinh viên hút thuốc lá theo số lượng thuốc.

- Tỷ lệ nam sinh viên đã từng hút thuốc lá tại các địa điểm bị cấm.

- Tỷ lệ nam sinh viên cố gắng cai thuốc lá.

- Tỷ lệ nam sinh viên hút thuốc trở lại theo lý do.

- Tỷ lệ nam sinh viên đã thực hiện các biện pháp để cai thuốc.

- Tỷ lệ nam sinh viên thực hiện biện pháp để giảm tác hại của thuốc lá.

2.5. Phương pháp xử lý số liệu

- Chuẩn bị: Kiểm tra lại toàn bộ các phiếu điều tra thu thập được, loại trừ các phiếu điền không đầy đủ thông tin.

- Nhập liệu: Số liệu thu thập được nhập liệu kép bằng phần mềm EpiData 3.0.

- Làm sạch số liệu**:** Sau khi hoàn tất nhập liệu, các số liệu được làm sạch bằng cách so sánh 2 lần nhập và hiệu chỉnh các sai sót trong quá trình nhập liệu.

- Xử lý và phân tích số liệu: Các số liệu sau khi thu thập, được tổng hợp và xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0.

- Thống kê mô tả được áp dụng để tính toán tỷ lệ % nam sinh viên có hành vi hút thuốc lá và phòng, chống tác hại của thuốc lá.

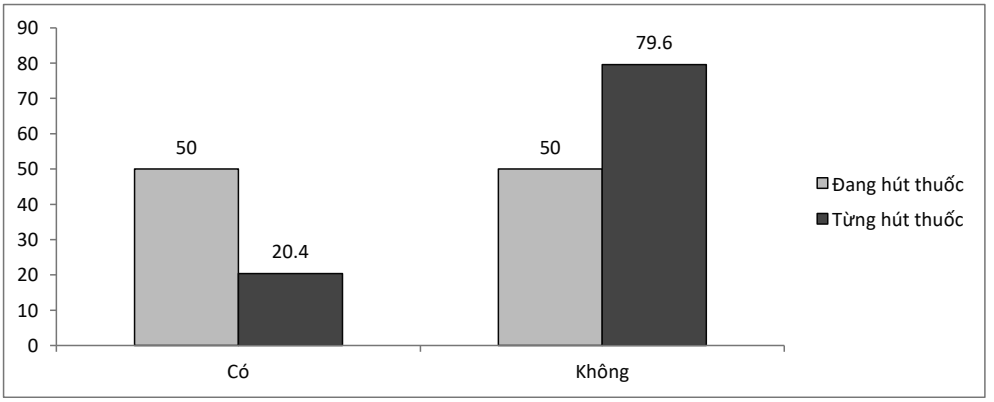
3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Hành vi hút thuốc lá của đối tượng

Nhóm / Thực hành		Nhóm đang hút thuốc (n = 58)		Nhóm từng hút thuốc (n = 98)	
		SL	%	SL	%
Thời gian hút thuốc lá	< 1 năm	6	10,3	40	40,8
	Từ 1 đến 3 năm	5	8,6	32	32,6
	>3 đến 5 năm	7	12,1	13	13,3
	> 5 năm	40	69,0	13	13,3
Lý do hút thuốc lá	Bắt chước bạn bè	10	17,2	37	37,8
	Người khác lôi kéo	5	8,6	2	2,0
	Phong cách sành điệu	5	8,6	1	1,0
	Buồn chán/ căng thẳng	34	58,6	55	56,1
	Khác	4	7,0	3	3,1
Loại thuốc thường hút	Thuốc lá điếu	50	86,2	94	96,0
	TL cuốn tay	5	8,6	1	1,0
	Tẩu	0	0	1	1,0
	Xì gà	0	0	1	1,0
	Thuốc lào	3	5,2	1	1,0
Số lượng hút trung bình 1 ngày	Từ 1đến 10 điếu	43	75,4	83	91,2
	Từ 11 đến 20 điếu	8	14,0	7	7,7
	Từ 21-30 điếu	3	5,3	0	0
	> 30 điếu	3	5,3	1	1,1

Ở nhóm đang hút thuốc chiếm tỷ lệ cao nhất có 69,0% đối tượng đã hút thuốc lá trên 5 năm, còn ở nhóm đối tượng từng hút thuốc tỷ lệ này chỉ chiếm 13,3% đối tượng trong nhóm. Có 40,8% đối tượng trong nhóm từng hút thuốc đã từng hút thuốc lá dưới 1 năm chiếm tỷ lệ cao nhất trong nhóm. Lý do hút thuốc lá của đối tượng trong nghiên cứu chiếm tỷ lệ cao nhất là do buồn chán/ căng thẳng chiếm 58,6% đối tượng trong nhóm đang hút thuốc lá, và đây cũng là lý do chiếm tỷ lệ cao nhất trong nhóm từng hút thuốc với tỷ lệ 56,1% đối tượng trong nhóm hút thuốc vì lý do này.

Biểu đồ 1. Tỷ lệ nam sinh viên hút thuốc lá tại địa điểm cấm



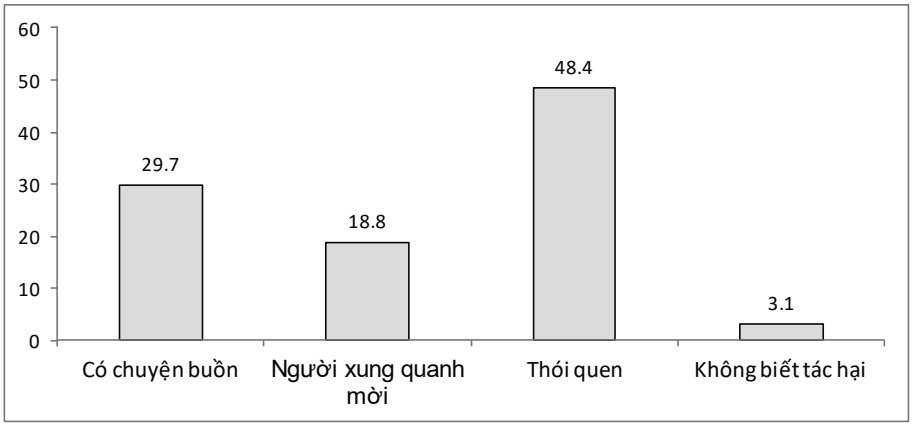
Qua nghiên cứu chúng tôi thấy được có đến 79,6% đối tượng trong nhóm từng hút thuốc đã có hành vi hút thuốc lá tại địa điểm cấm chiếm tỷ lệ cao nhất, cũng đã có hành vi này ở nhóm đối tượng đang hút thuốc lá tỷ lệ này là 50%.

Bảng 2. Tỷ lệ nam sinh viên đã từng cố gắng bỏ và hút thuốc trở lại

Nhóm / Nội dung	Nhóm đang hút thuốc (n = 58)		Nhóm từng hút thuốc (n = 98)	
	SL	%	SL	%
Có	48	82,8	16	16,3
Không	10	17,2	82	83,7

Đã có 82,8% đối tượng trong nhóm đang hút thuốc từng cố gắng bỏ và hút thuốc trở lại. Ở nhóm đối tượng từng hút thuốc tỷ lệ đối tượng đã cố gắng bỏ và hút thuốc trở lại là 16,3% chiếm tỷ lệ thấp nhất.

Biểu đồ 2. Lý do chính khiến đối tượng hút thuốc trở lại



Lý do chính khiến đối tượng hút thuốc trở lại là do thói quen chiếm tỷ lệ cao nhất 48,4%, có 18,8% hút thuốc trở lại là do người xung quanh mời và có 3,1% không biết tác hại của thuốc lá nên đã hút thuốc trở lại.

Bảng 3. Thực hành của đối tượng để làm giảm tác hại của thuốc lá

Nhóm / Thực hành	Nhóm đang hút thuốc (n = 58)		Nhóm từng hút thuốc (n = 98)		Nhóm không hút thuốc (n = 278)	
	SL	%	SL	%	SL	%
Bỏ hoặc không hút thuốc lá	25	43,1	81	82,7	110	39,6
Hút thuốc lá ít lại	35	60,3	13	13,3	13	4,7
Không hút thuốc lá gần người khác	25	43,1	23	23,5	38	13,7
Không hút thuốc lá nơi công cộng	20	34,5	31	31,6	61	21,9
Khuyên người hút thuốc bỏ hoặc giảm hút thuốc lá	13	22,4	39	39,8	158	56,8
Yêu cầu người hút thuốc dập thuốc đi	9	15,5	21	21,4	116	41,7
Dán biển cấm hút thuốc trong nhà	10	17,2	13	13,3	96	34,5
Đề nghị khách đến nhà tắt thuốc lá hoặc hút ở ngoài nhà	14	24,1	19	19,4	120	43,2
Tránh khói thuốc lá	14	24,1	28	28,6	139	50,0

Trong nhóm từng hút thuốc có 82,7% đối tượng đã bỏ hoặc không hút thuốc lá chiếm tỷ lệ cao nhất, 15,5% đối tượng đã yêu cầu người hút thuốc dập thuốc đi để giảm tác hại của thuốc lá chiếm tỷ lệ thấp nhất trong nhóm. Có 60,3% đối tượng trong nhóm đang hút thuốc đã hút thuốc lá ít lại để giảm tác hại của thuốc lá. Còn trong nhóm người không hút thuốc có 56,8% đối tượng khuyên người hút thuốc bỏ hoặc giảm hút thuốc lá, có 41,7% đối tượng yêu cầu người hút thuốc dập thuốc đi và 50,0% đối tượng chủ động tránh khói thuốc lá.

Hộp 1. Sự quyết tâm bỏ thuốc lá của nhóm đã từng hút thuốc

"*… Tôi bỏ vì tất cả mọi người trong gia đình tôi đều mong muốn điều này. Mặt khác, hút thuốc lá dù giúp tôi giảm căng thẳng trong công việc nhưng nó lại rất tốn kém tiền bạc….*"

SV 29 tuổi, lớp LT51A.

"*Hút thuốc lá rất tốn kém, mỗi tháng nó có thể tiêu của tôi mấy trăm nghìn thậm chí lên đến tiền triệu*"

SV 33 tuổi, lớp LT52E

Hộp 1 thể hiện ý kiến của nam sinh viên khi được hỏi về sự quyết tâm bỏ thuốc lá của nhóm đã từng hút thuốc, 5/5 ý kiến đều cho rằng đã quyết tâm rất nhiều và đã bỏ được và nguyên nhân bỏ chủ yếu do không muốn hại sức khỏe của mình và những người xung quanh.

4. BÀN LUẬN

Ở nhóm đang hút thuốc chiếm tỷ lệ cao nhất có 69,0% đối tượng đã hút thuốc lá trên 5 năm. Lý do hút thuốc lá của đối tượng trong nghiên cứu chiếm tỷ lệ cao nhất là do buồn chán/căng thẳng chiếm 58,6% đối tượng trong nhóm đang hút thuốc lá (bảng 1). Tương tự kết quả nghiên cứu của Đàm Thị Tuyết và cộng sự: Tỷ lệ hút thuốc lá của nam sinh viên là 43,67%, trong đó đa số thuộc sinh viên liên thông chiếm đến 75% còn chính quy là 47,89%, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p<0,01$. Lý do hút thuốc lá của sinh viên liên thông chủ yếu là do buồn, căng thẳng chiếm 31,88%; còn ở sinh viên chính quy lại chủ yếu là do bắt chước bạn bè

chiếm 28,43% [3]. Tuy nhiên kết quả của chúng tôi lại khác với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Hồng Hoa và tác giả Kanda: Bắt chước, tò mò là lý do chủ yếu dẫn đến hành vi hút thuốc của các đối tượng (30,5%) [4]. Kết quả nghiên cứu của Kanda năm 2013 ở Nhật (trẻ vị thành niên hút thuốc phần lớn do bắtchước cha mẹ và bạn bè [5]. Nghề Y là một nghề đặc biệt, nhân viên y tế thường phải làm việc trong môi trường căng thẳng, nhiều áp lực, phải trực đêm, vì vậy một thực tế không thể phủ nhận là vẫn còn tình trạng nhân viên y tế hút thuốc thậm chí là nghiện thuốc lá.

Nghiên cứu của năm 2019, cho thấy tỷ lệ nam sinh viên hút thuốc lá ở quán nước, quán điện tử, cà phê là 62,9%; có 34,3% hút thuốc tại nhà [6]. Điều này dẫn đến tình trạng gia tăng tỷ lệ hút thuốc lá thụ động cho các đối tượng khác như bà mẹ và trẻ em, làm tăng nguy cơ tử vong do các bệnh liên quan đến hút thuốcnhư tim mạch và các bệnh đường hô hấp.

Đã có 82,8% đối tượng trong nhóm đang hút thuốc từng cố gắng bỏ và hút thuốc trở lại. Ở nhóm đối tượng từng hút thuốc tỷ lệ đối tượng đã cố gắng bỏ và hút thuốc trở lại là 16,3% chiếm tỷ lệ thấp nhất (bảng 3). Trong khi nghiên cứu của Nguyễn Hồng Hoa cho thấy tỷ lệ bỏ thuốc thành công chỉ xấp xỉ 13% do các đối tượng đa phần nghiện thuốc (47,4%). Đồng thời Yangpin Cui và cộng sự chỉ ra rằng các đối tượng không bỏ thuốc được chủ yếu do thói quen và thú tiêu khiển cá nhân [4], [7].

Khi được hỏi về sự quyết tâm bỏ thuốc lá của nhóm đã từng hút thuốc, 5/5 ý kiến đều cho rằng đã quyết tâm rất nhiều và đã bỏ được và nguyên nhân bỏ chủ yếu do không muốn hại sức khỏe của mình và những người xung quanh (hộp 1).

Trong nghiên cứu của tác giả Nguyễn Út, đa số có lý do bỏ thuốc liên quan đến tình hình sức khỏe (89,2%); tiếp theo do sợ ảnh hưởng đến mọi người xung quanh (40,5%). Gần một nửa đối tượng bỏ thuốc chỉ nhờ vào ý chí mà không cần sự hỗ trợ nào. Không thấy ai đề cập đến một loại thuốc nào điều trị cai nghiện. 40,5% cho rằng họ bỏ được thuốc lá là nhờ có hỗ trợ thêm như nhai kẹo cao su, ăn trầu, uống nước chè xanh [8]. Như vậy người dân nói chung và nam sinh viên liên thông y đa khoa trường Đại học Y Dược Thái Bình nói riêng đã nhận thức đúng về tác hại của thuốc lá và đã có nhiều người bỏ thuốc lá thành công.

5. KẾT LUẬN

Có 40,8% đối tượng trong nhóm từng hút thuốc đã từng hút thuốc lá dưới 1 năm chiếm tỷ lệ cao nhất trong nhóm. Lý do hút thuốc lá của đối tượng trong nghiên cứu chiếm tỷ lệ cao nhất là do buồn chán/ căng thẳng chiếm 58,6% đối tượng trong nhóm đang hút thuốc lá.

79,6% đối tượng trong nhóm từng hút thuốc đã có hành vi hút thuốc lá tại địa điểm cấm chiếm tỷ lệ cao nhất, cũng đã có hành vi này ở nhóm đối tượng đang hút thuốc lá tỷ lệ này là 50%. Đã có 82,8% đối tượng trong nhóm đang hút thuốc từng cố gắng bỏ và hút thuốc trở lại

Có 60,3% đối tượng trong nhóm đang hút thuốc đã hút thuốc lá ít lại để giảm tác hại của thuốc lá. Còn trong nhóm người không hút thuốc có 56,8% đối tượng khuyên người hút thuốc bỏ hoặc giảm hút thuốc lá, có 41,7% đối tượng yêu cầu người hút thuốc dập thuốc đi và 50,0% đối tượng chủ động tránh khói thuốc lá.

5/5 ý kiến đều cho rằng đã quyết tâm rất nhiều và đã bỏ được và nguyên nhân bỏ chủ yếu do không muốn hại sức khỏe của mình và những người xung quanh

KHUYẾN NGHỊ

Xây dựng mô hình môi trường y tế không khói thuốc bằng cách tăng cường dán các biển cấm hút thuốc tại các địa điểm cấm, hình thành một khu vực riêng cho những đối tượng hút thuốc có thể hút thuốc tại đó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Minh P, The situation of the global anti-tobacco war, Ministry of Information and Communications, 2018. (in Vietnamese)

[2] Hien T, Health effects of tobacco, Ministry of Information and Communications, Prevention of tobacco harms, Hanoi, 2018. (in Vietnamese)

[3] Tuyet DT, Study on smoking status of male medical students at Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy in 2011, Journal of Science & Technology, 2011; 89: 209-214.

[4] Hoa NH, Smoking prevalence and related factors among males aged 18 years and older in District

6 - Ho Chi Minh City, Ho Chi Minh City Medical Journal, 2014; 18: 415-422. (in Vietnamese)

[5] Osaki YKH, Kaneita Y, Itani O et al., Smoking rate trends of male 7th and 11th graders in Japan based on repeated, nationwide, cross-sectional surveys every 4 years from 1996 to 2008, Health, 2013, 5(8):1241-1246

[6] Ngoc TV, Current status and awareness, attitudes about smoking, prevention of tobacco harms of male students at Ninh Binh Medical College, 2018, Master of Medicine and Pharmacy Thesis, Thai Binh, 2019. (in Vietnamese)

[7] Cui Y, Ying M, Fan H, Cigarette smoking practice and attitude, and proposed effective smoking cessation, 2011.

[8] Ut N, Research on the current situation of smoking and the implementation of policies to prevent tobacco harms in Da Nang city, Center for Health Education and Communication in Da Nang city, 2011; 112(4).